

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 – 4 – 2021  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hồng Biên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.
2. Ông Ngô Văn Khon.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên Đ:** Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Số \*\*\*, ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT.

**- Bị Đ:** Ông Dương Tấn H, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Số \*\*\*, ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên Đ bà Trần Thị Đ trình bày:**

*Về hôn nhân:* Bà Trần Thị Đ và ông Dương Tấn H, kết hôn năm 1986, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân giữa bà Đ và ông H được xây dựng trên cơ sở tự tình hiểu.

Bà Đ và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống và thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do ông H ăn chơi, đánh bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, khoảng thời gian sống ly

thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Bà Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay, bà Trần Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Dương Tấn H.

*Về con chung:* Bà Đ và ông H có một con chung tên Dương Tấn D, sinh ngày 01/01/1987. Hiện nay, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị Đ ông Dương Tấn H không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Giấy khai sinh của Dương Tấn D (Bản sao);

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị Đ ông Dương Tấn H cư trú tại ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Dương Tấn H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Dương Tấn H.

Xét thấy, bà Đ và ông H xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1986, không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, việc xác lập hôn nhân giữa bà Đ và ông H diễn ra trước ngày 01/3/1987, nên thời kì hôn nhân được công nhận từ thời điểm bắt đầu chung sống với nhau.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018, sau đó, phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H ăn chơi, đánh bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, hiện nay bà Đ và ông H không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong

cuộc sống, không tôn trọng nhau, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Đ và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Trần Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Dương Tấn H là có căn cứ chấp nhận nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Đ và ông H có một con chung tên Dương Tấn D, sinh ngày 01/01/1986, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, bà Đ không yêu cầu giải quyết, ông H không có văn bản ghi ý kiến yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Đ xác định là tự thỏa thuận, ông H không có văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Đ xác định là không có, ông H không có văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

- *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Dương Tấn H.

- *Về con chung:* Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/00011038 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, bà Đ đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Võ Văn Hồng Biên**